

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49 /2013/QĐ-UBND

Long An, ngày 13 tháng 9 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Long An

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh phí, lệ phí ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công
trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003
của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và
bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày
10/9/2012 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 2655/TTr-LS.TC-NN ngày 06/9/2013 của Liên Sở Tài
chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

Về thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Long An

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 49 /2013/QĐ-UBND
ngày 13 /9/2013 của UBND tỉnh Long An)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về đối tượng thu, đối tượng miễn thu và mức thu thủy lợi phí trên địa bàn tỉnh Long An.

Điều 2. Phạm vi và đối tượng thu, miễn thu thủy lợi phí

1. Phạm vi và đối tượng thu thủy lợi phí

Thu thủy lợi phí đối với tất cả các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có sử dụng nước từ các công trình thủy lợi để phục vụ mục đích sản xuất, kinh doanh; trừ các trường hợp được miễn thủy lợi phí theo quy định tại khoản 2 Điều này.

để sản xuất nông nghiệp, bao gồm cả đất được thừa kế, cho tặng, nhận chuyển quyền sử dụng đất.

Hộ gia đình, cá nhân nông dân bao gồm: Những người có hộ khẩu thường trú tại địa phương; những người có nguồn sống chính bằng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận là cư trú lâu dài tại địa phương nhưng chưa có hộ khẩu thường trú; những hộ gia đình, cá nhân trước đây hoạt động trong các ngành nghề phi nông nghiệp và có hộ khẩu thường trú tại địa phương nay không có việc làm; cán bộ, công chức, viên chức nhà nước, công nhân và bộ đội nghỉ mất sức hoặc nghỉ việc do sắp xếp lại sản xuất, tinh giảm biên chế hưởng trợ cấp một lần hoặc hưởng trợ cấp một số năm về sống thường trú tại địa phương; con của cán bộ, công chức, viên chức, công nhân sống tại địa phương đến tuổi lao động nhưng chưa có việc làm.

+ Hộ gia đình, cá nhân là xã viên hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đã nhận đất giao khoán ổn định của hợp tác xã, nông trường quốc doanh (hoặc các công ty nông nghiệp chuyển đổi từ nông trường quốc doanh) để sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.

Việc giao khoán đất của hợp tác xã và nông trường quốc doanh để sản xuất nông nghiệp thực hiện theo quy định tại Nghị định số 135/2005/NĐ-CP ngày 08/11/2005 của Chính phủ.

+ Hộ gia đình, cá nhân là nông trường viên đã nhận đất giao khoán ổn

3. *Tưới, tiêu chủ động một phần*: Là cách tưới tiêu tự chảy bằng trọng lực nhưng còn thất thường và *hệ dùng nước phải bơm, tát từ 1/3 đến 2/3 số lần tưới tiêu cần thiết*.

4. *Tưới, tiêu tạo nguồn*: Là cách tưới tiêu trọng lực nhưng chủ yếu chỉ dẫn nước đến đầu kênh, mương tưới (cổng đầu kênh) và *hệ dùng nước phải bơm, tát lớn hơn 2/3 số lần tưới tiêu cần thiết*.

5. *Tưới, tiêu bằng động lực*: Là cách tưới tiêu đưa nước trực tiếp vào mặt ruộng hoặc rút nước trực tiếp từ mặt ruộng ra bằng hệ thống trạm bơm.

6. *Tưới tiêu theo triều*: Là cách tưới tiêu đưa nước trực tiếp vào mặt ruộng hoặc rút nước trực tiếp từ mặt ruộng ra bằng việc lợi dụng chế độ thủy triều lên xuống.

7. *Cổng đầu kênh*: là công trình dẫn nước hoặc tiêu nước cho một diện tích hưởng lợi nhất định thuộc trách nhiệm quản lý của người hưởng lợi. Chi phí quản lý, vận hành, tu sửa và bảo vệ các công trình từ cổng đầu kênh đến mặt ruộng do người hưởng lợi đóng góp (gọi tắt là phí dịch vụ thủy nông nội đồng).

8. *Xác định cổng đầu kênh*: Cổng đầu kênh được quy định theo diện tích tưới, tiêu thiết kế, cụ thể với đồng bằng sông Cửu Long nhỏ hơn hoặc bằng 400 ha.

9. *Tổ chức hợp tác dùng nước*: là hình thức hợp tác của những người cùng hưởng lợi từ công trình thủy lợi, làm nhiệm vụ khai thác và bảo vệ công trình, phục vụ sản xuất, dân sinh.

Chương II

MỨC THU THỦY LỢI NỘI ĐỒNG

3	Diện tích đất trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	đồng/hecta/năm	844.000	
b) Chủ động một phần				
1	Diện tích đất trồng lúa	đồng/hecta/vụ	633.000	
2	Diện tích đất trồng rau, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông	đồng/hecta/vụ	253.200	
3	Diện tích đất trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, dược liệu	đồng/hecta/năm	506.400	

2. Mức thu thủy lợi phí đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ từ công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, an dưỡng, giải trí

STT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị	Thu theo các biện pháp công trình	
			Bơm điện	Hồ đập, kênh cống
1	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân golf, nhà hàng...)	Tổng giá trị doanh thu	12%	

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có văn bản hướng dẫn Liên ngành về trình tự, thủ tục, hồ sơ, thẩm quyền quyết định diện tích đất được miễn thủy lợi phí; lập, giao dự toán; cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù miễn thủy lợi phí đối với các đơn vị thủy nông.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có vấn đề vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị phản ánh kịp thời về Sở Tài chính và Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét giải quyết hoặc sửa đổi, bổ sung Quy định cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

